

**BỘ CÔNG AN****BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 08/2007/TT-BCA****Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2007****THÔNG TƯ****hướng dẫn giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân**

*Căn cứ Luật khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính*

*phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn phân loại, xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân như sau:*

**I. PHÂN LOẠI VÀ XỬ LÝ ĐƠN****1. Phân loại đơn**

Đơn khiếu nại, tố cáo, tố giác, tin báo về tội phạm và đề nghị thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan Công an và đơn khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, cơ quan Công an trong lĩnh vực tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát, được gọi chung là đơn, gồm 4 loại như sau: Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn tố giác tội phạm và đơn đề nghị.



### 1.1. Đơn khiếu nại

Đơn khiếu nại gồm ba loại cụ thể như sau:

a) Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, cán bộ, chiến sỹ Công an: Là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức, theo thủ tục do pháp luật khiếu nại, tố cáo quy định đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

b) Khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, chiến sỹ Công an: Là việc cán bộ, chiến sỹ Công an theo thủ tục do pháp luật khiếu nại, tố cáo quy định đề nghị Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định kỷ luật khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

c) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng hình sự của cơ quan, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo thủ tục quy định tại Chương XXXV của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp

luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Quyết định tố tụng hình sự nói trong Thông tư này là quyết định được ban hành theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Hành vi tố tụng nói trong Thông tư này là hành vi được thực hiện trong hoạt động tố tụng của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, điều tra viên, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

### 1.2. Đơn tố cáo

Đơn tố cáo gồm hai loại cụ thể như sau:

a) Đơn tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự: Là việc công dân theo thủ tục do pháp luật khiếu nại, tố cáo quy định, báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật, phẩm chất đạo đức, những điều cấm cản bộ chiến sỹ CAND không được làm và các vấn đề về chính trị nội bộ (nhưng không có dấu hiệu tội phạm, không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự) của bất cứ cán bộ, chiến sỹ Công an nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của



Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức;

b) Đơn tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự: Là việc công dân báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự, có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động **điều tra**, mà họ cho rằng hành vi đó gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

1.3. Đơn tố giác tội phạm: Là việc công dân báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm, hành vi phạm tội và thông tin khác về tội phạm của bất cứ cá nhân nào.

1.4. Đơn đề nghị: Là việc công dân, cơ quan, tổ chức đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền giải quyết sự việc liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc lợi ích của xã hội.

## 2. Xử lý đơn

Cơ quan Công an khi nhận được các loại đơn phải khẩn trương đối chiếu với quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của mình để xử lý; trường hợp thuộc thẩm quyền thì thụ lý giải quyết; trường hợp không thuộc thẩm quyền hoặc không

đủ điều kiện thụ lý thì xử lý theo hướng dẫn sau:

2.1. Xử lý đơn thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan Công an.

a) Xử lý đơn khiếu nại.

- Xử lý đơn khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính và đơn khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, chiến sỹ Công an.

Khi xử lý các loại đơn này cần căn cứ vào thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính và thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, chiến sỹ Công an (đã hướng dẫn tại mục 1, phần II và mục 2, phần III Thông tư này) để chuyển đơn đến Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp nhận được đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết, đơn khiếu nại về vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền thì cơ quan nhận đơn không có trách nhiệm thụ lý nhưng có văn bản chỉ dẫn, trả lời người khiếu nại. Việc chỉ dẫn, trả lời chỉ thực hiện một lần đối với một vụ việc khiếu nại, trong trường hợp người khiếu nại gửi kèm các giấy tờ, tài liệu là bản gốc liên quan đến vụ việc khiếu nại thì cơ quan nhận đơn trả lại các giấy tờ tài liệu đó cho người khiếu nại. Nếu

đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của lực lượng Công an do Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc các cơ quan báo chí chuyển đến thì gửi trả lại và thông báo rõ lý do bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã chuyển đơn biết.

- Xử lý đơn khiếu nại quyết định, hành vi tổ tụng hình sự của cơ quan, cán bộ Công an:

+ Khiếu nại quyết định, hành vi tổ tụng không liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam của cơ quan, cán bộ Công an khi tiến hành tổ tụng hình sự thuộc các trường hợp cụ thể sau đây thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết trong Công an nhân dân:

Khiếu nại đối với quyết định tổ tụng của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên Cơ quan điều tra cùng cấp, không do Viện Kiểm sát phê chuẩn;

Khiếu nại đối với hành vi tổ tụng của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, của Điều tra viên Cơ quan điều tra cùng cấp;

Khiếu nại bản kết luận điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp.

+ Khiếu nại quyết định, hành vi tổ tụng của cơ quan Công an, cán bộ Công an khi tiến hành tổ tụng hình sự thuộc các trường hợp cụ thể sau đây thì chuyển đến Viện Kiểm sát cùng cấp với cơ quan Công an bị khiếu nại hoặc cùng cấp với cơ quan có cán bộ bị khiếu nại:

Khiếu nại liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam (theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003);

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân (theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003);

Khiếu nại quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân mà Viện kiểm sát đã phê chuẩn (theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003);

Khiếu nại bản kết luận điều tra của Thủ trưởng Cơ quan điều tra;

Khiếu nại việc Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân đã giải quyết lần đầu đối với khiếu nại quyết định, hành vi tổ tụng (theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003) và bản kết luận điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp giải quyết.



+ Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra thì chuyển đến Viện Kiểm sát có thẩm quyền truy tố đối với người phạm tội mà người bị khiếu nại đã tiến hành một số hoạt động điều tra (theo quy định tại Điều 332 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003).

b) Xử lý đơn tố cáo.

- Xử lý đơn tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự.

+ Đơn tố cáo có ghi họ, tên, địa chỉ và có chữ ký trực tiếp của người viết (sau đây gọi là đơn có danh) thì chuyển đến Thủ trưởng trực tiếp của người bị tố cáo.

Trường hợp người bị tố cáo là cán bộ, chiến sỹ thuộc đồn Công an, Công an phường, Công an thị trấn trong biên chế Công an nhân dân, các đội trong Công an quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Công an cấp huyện) thì chuyển đến Thủ trưởng Công an cấp huyện.

+ Trong trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn mà tố cáo không được giải quyết thì chuyển đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo (hoặc Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị nội bộ nếu tố cáo thuộc các vấn đề về chính trị nội bộ) để giải

quyết theo quy định tại Điều 69 Luật khiếu nại, tố cáo.

+ Trường hợp người tố cáo có bằng chứng mới chứng minh việc giải quyết không đúng pháp luật thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan Thanh tra cùng cấp của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo (hoặc Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị nội bộ nếu tố cáo thuộc các vấn đề về chính trị nội bộ) để giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật khiếu nại, tố cáo.

+ Không xem xét, giải quyết những tố cáo không có họ, tên, địa chỉ; địa chỉ không cụ thể hoặc không đúng họ, tên, địa chỉ; không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký (sau đây gọi là đơn nặc danh) hoặc những tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nay tố cáo lại nhưng không có bằng chứng mới.

- Xử lý đơn tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự.

+ Đơn tố cáo không liên quan đến hành vi bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc những trường hợp cụ thể sau đây thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp của người bị tố cáo (theo quy định tại Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003):

Tố cáo Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra;

Tổ cáo Điều tra viên Cơ quan điều tra.

+ Tổ cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra; tổ cáo Phó Thủ trưởng và Điều tra viên Cơ quan điều tra (không liên quan đến hành vi bắt, tạm giữ, tạm giam) đã được Thủ trưởng Cơ quan điều tra giải quyết nhưng người tố cáo không đồng ý thì chuyển đến Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp.

+ Tổ cáo thuộc những trường hợp cụ thể sau đây thì chuyển ngay đến Viện Kiểm sát cùng cấp với cơ quan bị tố cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 337 và Điều 339 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

Tổ cáo liên quan đến hành vi bắt, tạm giữ, tạm giam của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng và Điều tra viên Cơ quan điều tra;

Tổ cáo hành vi tố tụng của cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra thì chuyển đến Viện Kiểm sát có thẩm quyền truy tố đối với người phạm tội mà người bị tố cáo đã tiến hành một số hoạt động điều tra.

+ Đối với đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp của người tố cáo hoặc tố cáo đã được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết mà người tố cáo không đưa ra được bằng chứng mới thì không xem

xét, giải quyết theo quy định tại điểm b, tiết 1.2, phần III, Thông tư số 02/2005/TTLT-VKS-TATC-BCA-BQP-BTP ngày 10/8/2005 của liên ngành Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp.

#### c) Xử lý đơn tố giác tội phạm.

Đơn tố giác tội phạm (tổ cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm, tố cáo hành vi phạm tội, tố giác tội phạm) thì chuyển ngay đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 60, Điều 71 của Luật khiếu nại, tố cáo và Điều 103, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (không phân biệt đơn có danh hay hay nặc danh).

#### d) Xử lý đơn đề nghị.

Đơn đề nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Công an nào thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan đó xem xét giải quyết.

2.2. Xử lý đơn không liên quan đến thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan Công an.

- Đơn khiếu nại, đơn đề nghị không thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của cơ quan Công an thì có văn bản hướng dẫn người có đơn gửi đúng cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn có danh tố cáo hành vi vi phạm pháp luật nhưng không có dấu hiệu tội



phạm của cán bộ, công chức ngoài Công an nhân dân; đơn tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự đối với cán bộ, công chức thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng ngoài Công an nhân dân thì chuyển đến Thủ trưởng trực tiếp của cán bộ, công chức đó.

2.3. Khi chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, cơ quan chuyển đơn đều phải báo tin bằng văn bản cho người có đơn theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; nếu đã báo tin, đã hướng dẫn mà còn nhận được đơn cùng nội dung thì lưu đơn. Trường hợp chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong Công an nhân dân, ngoài việc báo tin, cơ quan chuyển đơn phải thông báo việc chuyển đơn đến tổ chức Thanh tra Công an cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết biết để giúp Thủ trưởng Công an cùng cấp theo dõi, quản lý kết quả giải quyết.

2.4. Khiếu nại, tố cáo cán bộ, cơ quan Công an trong hoạt động tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện Kiểm sát phải được Thủ trưởng cơ quan Công an các cấp đề nghị Viện Kiểm sát thông báo kết quả giải quyết.

2.5. Cơ quan Công an tiếp nhận đơn phải đóng dấu theo dõi ngày đến và hoàn thành việc xử lý trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận đơn. Cán bộ xử lý có trách nhiệm bảo quản, không

để rách nát, không viết hoặc có bất cứ hành vi nào làm thay đổi hình thức và nội dung đơn.

## II. KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH

### 1. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

1.1. Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an phường, Trưởng Công an thị trấn trong biên chế Công an nhân dân, giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp.

1.2. Trưởng Công an cấp huyện giải quyết:

a) Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp, trừ khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an phường, Trưởng Công an thị trấn;

b) Khiếu nại mà Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an phường, Trưởng Công an thị trấn đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

1.3. Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương thuộc Công an cấp tỉnh; Giám thị trại giam; Hiệu trưởng

trường giáo dục; Giám đốc cơ sở giáo dục, giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp.

1.4. Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục hoặc trực thuộc Bộ trưởng, Tổng Cục trưởng, Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương giải quyết:

a) Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình;

b) Khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

1.5. Bộ trưởng giải quyết:

a) Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ không giữ chức vụ (nếu có) thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình;

b) Khiếu nại mà Tổng Cục trưởng, Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng; Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại;

c) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà nội dung khiếu nại thuộc quyền quản lý nhà nước của Bộ Công an.

2. Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại

2.1. Việc khiếu nại phải thực hiện bằng đơn, nếu người khiếu nại trực tiếp trình bày thì cơ quan tiếp nhận phải yêu cầu viết thành đơn. Đối với khiếu nại quyết định hành chính hoặc khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại thì kèm theo đơn phải có bản sao quyết định bị khiếu nại. Trường hợp khiếu nại thông qua người đại diện hoặc Luật sư thì trong đơn phải nêu rõ lý do và thực hiện đúng quy định của pháp Luật khiếu nại, tố cáo.

2.2. Thời hiệu khiếu nại.

Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được có hành vi hành chính.

Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu thì thời gian trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại nhưng phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ sở y tế hay Thủ trưởng cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nơi người khiếu nại cư trú hoặc làm việc;

2.3. Thời hạn và quyền khiếu nại tiếp theo, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.



a) Người khiếu nại có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc đã hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết;

b) Người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án khi không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu, lần hai) hoặc đã hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết (trừ những khiếu nại có nội dung thuộc các vấn đề về chính trị nội bộ, danh mục bí mật Nhà nước hoặc quy định của Bộ Công an);

c) Thời hạn khiếu nại tiếp theo, thời hạn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là 30 ngày kể từ khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại hoặc kể từ khi hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn nói trên có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày.

2.4. Thực hiện việc khiếu nại thông qua người đại diện.

Thực hiện việc khiếu nại thông qua người đại diện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 17 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2005; tại điểm b, c, khoản 1 và các khoản 2, 3, Điều 1 Nghị định số

136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2006/NĐ-CP).

## 2.5. Thời hạn giải quyết khiếu nại.

a) Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Đối với vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 60 ngày;

b) Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 60 ngày. Đối với vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 70 ngày.

## 2.6. Thụ lý đơn khiếu nại.

Trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày nhận đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết; nếu đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP thì Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải ra văn bản thụ lý vụ việc khiếu nại. Việc thụ lý đơn khiếu nại phải được thông báo bằng văn bản đến người khiếu nại,



người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân (Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc các cơ quan báo chí...) đã chuyển đơn; nếu không đủ điều kiện thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP thì có văn bản trả lời người khiếu nại biết rõ lý do không thụ lý.

2.7. Tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, ra quyết định giải quyết khiếu nại.

Các bước tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại được thực hiện theo quy định về thủ tục giải quyết khiếu nại của Luật khiếu nại, tố cáo; các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về Quy trình giải quyết khiếu nại. Việc thẩm tra xác minh nội dung khiếu nại được thực hiện bằng một trong các quyết định: Quyết định xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc quyết định thanh tra đối với các vụ việc phức tạp liên quan đến nhiều đối tượng hoặc nhiều địa phương của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP; Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết khiếu nại

và công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP, không được dùng công văn, thông báo hay bất cứ hình thức khác để trả lời thay cho quyết định giải quyết khiếu nại.

2.8. Trong quá trình khiếu nại, người khiếu nại vẫn phải chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó đã bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật khiếu nại, tố cáo và khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2005.

### III. KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÁN BỘ, CHIẾN SỸ CÔNG AN

#### 1. Quyền khiếu nại

1.1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; học viên bậc đại học, học viên bậc trung học, sơ học, học viên Trường Văn hóa Công an (sau đây gọi tắt là học viên) có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật theo quy định tại khoản 2.1, 2.3 mục 2; mục 3, phần III Thông tư này.

1.2. Công nhân viên Công an trong biên chế hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và người lao động hợp đồng trong Công an nhân dân có quyền khiếu nại



quyết định kỷ luật theo quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính Nhà nước được quy định tại Luật khiếu nại, tố cáo; các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và tại Nghị định số 136/2006/NĐ-CP.

## 2. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

2.1. Đối với quyết định kỷ luật sỹ quan, hạ sỹ quan và chiến sỹ nghĩa vụ.

a) Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng hoặc trực thuộc Tổng cục; Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật sỹ quan, hạ sỹ quan và chiến sỹ nghĩa vụ thuộc quyền quản lý trực tiếp;

b) Tổng cục trưởng giải quyết:

- Khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật sỹ quan, hạ sỹ quan;

- Khiếu nại mà Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Tổng cục đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

c) Bộ trưởng giải quyết:

- Khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật sỹ quan;

Trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Bộ trưởng bị khiếu nại thì Bộ trưởng xem xét lại theo quy định tại Điều 3 Luật khiếu nại, tố cáo để ra quyết định hủy bỏ hoặc sửa đổi hoặc giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành;

- Khiếu nại mà Tổng Cục trưởng, Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng; Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

2.2. Đối với quyết định kỷ luật công nhân viên Công an.

a) Khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật công nhân viên Công an do Thủ trưởng cơ quan đã ra quyết định giải quyết;

b) Trong trường hợp còn khiếu nại tiếp, thì Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của Thủ trưởng đã giải quyết khiếu nại lần đầu giải quyết. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

2.3. Đối với quyết định kỷ luật học viên.

a) Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật học viên;

b) Bộ trưởng giải quyết khiếu nại mà Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

### 3. Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại

3.1. Việc khiếu nại phải thực hiện bằng đơn do người khiếu nại trực tiếp ký, kèm theo đơn phải có bản sao quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại. Trường hợp khiếu nại thông qua người đại diện hoặc Luật sư thì trong đơn phải nêu rõ lý do và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3.2. Thời hiệu khiếu nại, thời hạn khiếu nại tiếp theo, thời hạn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

a) Thời hiệu khiếu nại là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định kỷ luật.

Trường hợp người khiếu nại có trở ngại khách quan do ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại nhưng phải có xác nhận

của Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ sở y tế hay Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người khiếu nại cư trú hoặc công tác;

b) Thời hạn khiếu nại tiếp theo khi người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định;

c) Công nhân viên Công an khiếu nại quyết định kỷ luật buộc thôi việc, sau khi khiếu nại mà người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu vẫn giữ nguyên hình thức kỷ luật đó thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại Điều 30 Nghị định 136/2006/NĐ-CP.

3.3. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần thứ hai không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý.

3.4. Điều kiện để khiếu nại được thụ lý giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP.

3.5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, nếu thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thụ lý thì Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải ra văn bản thụ lý vụ việc theo hướng dẫn tại khoản 2.6, mục 2, phần II Thông tư này.



3.6. Tiến hành xác minh, kết luận đơn khiếu nại:

Việc xác minh, kết luận đơn khiếu nại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2.7, mục 2, phần II Thông tư này.

3.7. Trong quá trình khiếu nại, người khiếu nại vẫn phải chấp hành quyết định kỷ luật mà mình khiếu nại, trừ trường hợp quyết định đó đã bị người có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 Luật khiếu nại, tố cáo và khoản 15, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2005.

#### IV. TỐ CÁO, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC TỰ TỤNG HÌNH SỰ

##### 1. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1.1. Tại cơ quan, đơn vị ở Công an cấp tỉnh:

a) Trưởng Công an cấp huyện giải quyết tố cáo đối với Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp phường và cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình, kể cả cán bộ, chiến sỹ thuộc Công an cấp phường;

b) Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương thuộc Công an cấp tỉnh giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý của mình trực tiếp;

c) Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương giải quyết tố cáo đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh (kể cả Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp huyện).

1.2. Tại cơ quan, đơn vị ở Bộ Công an:

a) Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Tổng cục giải quyết tố cáo đối với: Cán bộ, chiến sỹ không giữ chức vụ thuộc Vụ, Cục, đơn vị mình;

b) Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng giải quyết tố cáo đối với: Cán bộ, chiến sỹ từ Trưởng phòng trở xuống thuộc Vụ, Cục, đơn vị mình;

c) Tổng Cục trưởng giải quyết tố cáo đối với: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và cán bộ giữ chức vụ tương đương cấp phòng tại Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Tổng cục;

d) Bộ trưởng giải quyết tố cáo đối với: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cấp Tổng cục; Vụ, Cục trực thuộc Bộ trưởng hoặc trực thuộc Tổng cục; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương hoặc chuyên viên cao cấp do Bộ trưởng trực tiếp quản lý (nếu có).

##### 2. Thủ tục tố cáo và giải quyết tố cáo

2.1. Người tố cáo có thể viết đơn ghi rõ họ tên, địa chỉ hoặc đến cơ quan có thẩm quyền để trực tiếp tố cáo, trường



hợp này người tiếp nhận nội dung tố cáo phải ghi thành văn bản để người tố cáo ký xác nhận hoặc điểm chỉ.

Đối với đơn tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết, nay tố cáo lại nhưng không có bằng chứng mới thì không xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 38 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

2.2. Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 90 ngày.

2.3. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết đến người tố cáo nếu có yêu cầu; áp dụng kịp thời các biện pháp ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra và xử lý người vi phạm theo quy định của pháp luật.

2.4. Người tố cáo nếu có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết thì có quyền tố cáo với cơ quan cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo theo quy định tại Điều 69 Luật khiếu nại, tố cáo. Cơ quan tiếp nhận loại tố cáo này cần chú ý, tránh coi đây là việc khiếu nại, không giải quyết theo thủ tục khiếu nại mà phải xác minh, kết luận về việc chấp hành pháp luật khi giải quyết tố cáo đó

theo thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thanh tra cùng cấp của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo (đã hướng dẫn tại mục 1, phần VI Thông tư này).

2.5. Người bị tố cáo có quyền khiếu nại (theo Điều 53 Luật thanh tra) đối với quyết định hoặc hành vi của Trưởng đoàn, của thành viên Đoàn thanh tra trong quá trình xác minh nội dung tố cáo khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật; khiếu nại với Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo về kết luận hoặc quyết định xử lý về thanh tra khi có căn cứ cho rằng kết luận, quyết định đó là trái pháp luật.

Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong trường hợp này thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, người khiếu nại vẫn phải thực hiện các quyết định mà mình khiếu nại.

2.6. Việc xác minh, kết luận nội dung tố cáo được thực hiện theo quy định về thủ tục giải quyết tố cáo của Luật khiếu nại, tố cáo; các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về quy trình giải quyết tố cáo. Quyết định xử lý tố cáo



chỉ ban hành khi người bị tố cáo có sai phạm, cần thiết phải áp dụng hình thức kỷ luật hoặc các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp khác không ra quyết định xử lý tố cáo mà chỉ trả lời bằng công văn đối với người tố cáo khi họ yêu cầu, người bị tố cáo và cơ quan, cá nhân có trách nhiệm.

## V. HƯỚNG DẪN XỬ LÝ ĐƠN VÀ GIẢI QUYẾT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CẦN CHÚ Ý

1. Tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự nhưng có liên quan đến thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, đơn vị Công an, nếu thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng thì Bộ trưởng quyết định cơ quan có thẩm quyền giải quyết; nếu thuộc quyền quản lý của Giám đốc Công an cấp tỉnh thì Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, khiếu nại quyết định kỷ luật do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp dưới trực tiếp không thực hiện đúng thời hạn giải quyết thì Thủ trưởng cấp trên yêu cầu cấp dưới phải giải quyết đồng thời xem xét, xác định rõ trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại. Trường hợp người giải quyết khiếu nại thiếu trách nhiệm hoặc cố tình trì

hoãn việc giải quyết hoặc gây phiền hà, sách nhiễu, cản trở việc thực hiện quyền khiếu nại thì phải xử lý kỷ luật đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại.

3. Đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự thì Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết căn cứ từng trường hợp cụ thể, xử lý như sau:

3.1. Nếu nội dung khiếu nại là chủ yếu thì giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại nhưng vẫn phải kết luận về nội dung tố cáo;

3.2. Nếu nội dung tố cáo là chủ yếu thì giải quyết theo thủ tục giải quyết tố cáo nhưng vẫn phải kết luận về nội dung khiếu nại;

3.3. Trường hợp không xác định được nội dung nào là chủ yếu hoặc nội dung khiếu nại, tố cáo không liên quan đến nhau thì tách riêng nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo để giải quyết nội dung khiếu nại theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; giải quyết nội dung tố cáo theo thủ tục giải quyết tố cáo.

4. Đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo, vừa thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự, vừa thuộc lĩnh vực hành chính thì tách riêng nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo thuộc hai lĩnh vực đó để



giải quyết theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

5. Khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh thanh tra Công an các cấp thì Thủ trưởng cùng cấp có thẩm quyền giải quyết giao cho cơ quan xây dựng lực lượng hoặc cơ quan chức năng khác xác minh, kết luận và kiến nghị giải quyết.

6. Khiếu nại liên quan đến một số hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên ngành (báo chí, xuất bản, bản quyền...) mà đã có văn bản pháp luật quy định việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại thì giải quyết theo quy định tại các văn bản pháp luật đó.

## VI. THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA THANH TRA VÀ CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Thanh tra Công an các cấp có thẩm quyền và trách nhiệm:

1.1. Xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính; khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, chiến sỹ Công an và tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cùng cấp (trừ những khiếu nại mà Thủ trưởng cùng cấp giao cho các cơ quan chức năng khác).

1.2. Phát hiện và xác minh, kết luận về dấu hiệu vi phạm pháp luật của Thủ trưởng cấp dưới trực tiếp của Thủ trưởng cùng cấp trong quá trình giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự (trừ tố cáo các vấn đề về chính trị nội bộ, do Thủ trưởng cơ quan Bảo vệ Chính trị nội bộ xác minh, kết luận). Nếu việc giải quyết tố cáo đúng pháp luật thì trả lời người tố cáo bằng văn bản về việc không giải quyết tố cáo đó. Nếu có căn cứ kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại theo quy định tại khoản 2, Điều 62 Luật khiếu nại, tố cáo. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị mà tố cáo không được xem xét, giải quyết lại thì kiến nghị Thủ trưởng cùng cấp chỉ đạo Thủ trưởng cấp dưới trực tiếp thực hiện kiến nghị đó.

2. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền Bộ trưởng (trừ khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu của Bộ trưởng). Cơ quan Bảo vệ Chính trị nội bộ Công an các cấp xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo các vấn đề về chính trị nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cùng cấp và có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết đến cơ quan



thanh tra cùng cấp để phục vụ việc quản lý thống nhất công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Chánh Thanh tra, Thủ trưởng cơ quan chức năng khác thuộc Công an các cấp khi thực hiện thẩm quyền trên phải ra quyết định xác minh và tổ chức xác minh, kết luận theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật khiếu nại, tố cáo và Điều 8, Điều 41 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP.

4. Cơ quan Điều tra có trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự và tố giác tội phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; khi Cơ quan Điều tra thông báo kết quả giải quyết cho người khiếu nại, người tố cáo theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự thì gửi cho cơ quan Thanh tra cùng cấp để giúp Thủ trưởng cùng cấp theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự, tố giác tội phạm và cơ quan đã chuyển đơn theo quy định tại Điều 71 Luật khiếu nại, tố cáo.

## VII. QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của mình. Nội dung quản lý nhà nước

về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân gồm:

1.1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân. Căn cứ vào tình hình cụ thể, kế hoạch này được xây dựng độc lập hoặc là một bộ phận của kế hoạch công tác thanh tra hàng năm;

1.2. Ban hành chỉ thị, quyết định và thông tư hướng dẫn giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân phù hợp với tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Công an nhân dân;

1.3. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân tại các cơ quan, đơn vị Công an;

1.4. Thông tin, tuyên truyền về pháp Luật khiếu nại, tố cáo;

1.5. Theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân tại Công an các cấp;

1.6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình khiếu nại, tố cáo, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo kể cả khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự của các cơ quan có chức năng điều tra trong Công an nhân dân. Tập trung thông



tin khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về một đầu mối là cơ quan Thanh tra tại mỗi cấp Công an;

1.7. Theo dõi tình hình khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo phục vụ yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh;

1.8. Tổng kết thực tiễn và nghiên cứu xây dựng lý luận về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân;

1.9. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, bao gồm cả cán bộ thanh tra kiêm nhiệm ở những nơi không có tổ chức thanh tra.

2. Thủ trưởng Công an các cấp chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cấp trên trực tiếp về việc quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân trong phạm vi quản lý của mình.

3. Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự trong toàn lực lượng Công an nhân dân; giúp Bộ trưởng theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự ở Bộ Công an.

4. Thanh tra Công an cấp tỉnh, Thanh tra Công an cấp huyện, Thanh tra các Tổng cục, Thanh tra các Vụ, Cục, đơn

vị trực thuộc Bộ trưởng giúp Thủ trưởng cùng cấp thống nhất quản lý nhà nước công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự ở đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý của Thủ trưởng; giúp thủ trưởng cùng cấp theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự ở đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua tổ chức Thanh tra).

5. Các Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự ở đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm phải báo cáo kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo cho Thủ trưởng cùng cấp (qua tổ chức Thanh tra).

6. Đơn khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự ở đơn vị địa phương mình phải được tập trung vào một đầu mối là tổ chức Thanh tra Công an cùng cấp để thống nhất việc quản lý theo quy định tại phần I của Thông tư này.



## VIII. KHEN THƯỜNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Việc khen thưởng và xử lý vi phạm pháp Luật khiếu nại, tố cáo áp dụng đối với Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và những cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo.

2. Người có trách nhiệm chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo quy định tại Điều 96 Luật khiếu nại, tố cáo bao gồm người khiếu nại, người bị khiếu nại, người tố cáo, người bị tố cáo và người có trách nhiệm, quyền lợi liên quan.

3. Cán bộ, chiến sỹ Công an có hành vi vi phạm quy định tại các Điều 96, 98, 99, 100 của Luật khiếu nại, tố cáo hoặc các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo thì tùy tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả tác hại sẽ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật hiện hành trong Công an nhân dân. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự.

## IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15

ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 10/2005/TT-BCA(V24) ngày 26 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân.

2. Thủ trưởng cơ quan Công an các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện trong phạm vi đơn vị, địa phương mình.

3. Thông tin đăng tải trên báo chí có nội dung tố cáo cán bộ, cơ quan Công an được xử lý, giải quyết theo hướng dẫn về xử lý và giải quyết đơn tố cáo tại Thông tư này.

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự thực hiện theo quy định của pháp luật tổ tụng hình sự.

5. Việc tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định tại Quy chế tiếp công dân của Bộ Công an.

6. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại của cá nhân, cơ quan, tổ chức người nước ngoài; việc tố cáo và giải quyết tố cáo của cá nhân người nước ngoài đang sinh sống, học tập, làm việc tại Việt Nam được thực hiện theo quy định

tại Điều 65 của Nghị định số 136/2006/NĐ-CP.

7. Ngôn ngữ dùng trong khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo là tiếng Việt. Người khiếu nại, người tố cáo là người nước ngoài hoặc người dân tộc ít người không biết tiếng phổ thông thì có quyền dùng tiếng nói, chữ viết riêng. Trong các trường hợp đó cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, giải

quyết tố cáo phải tổ chức dịch thuật và phiên dịch.

8. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương cần báo cáo về Bộ (qua Thanh tra Bộ) để có hướng dẫn kịp thời./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đại tướng Lê Hồng Anh**